

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
“Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 502/TTr-TNMT ngày 11/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên” (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Land Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả, các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 612/QĐ-TNMT ngày 05/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Tân Yên; UBND thị trấn Cao Thượng; Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Land Phát và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Land Phát (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án “Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông
thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên”
(Kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-UBND ngày 14 /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Land Phát.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 trên diện tích khoảng 8,43 ha, bao gồm: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe, trạm xử lý nước thải,....

- Công trình nhà ở: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 69 căn nhà ở liền kề tại phân lô LK-09 (8 căn), LK-10 (8 căn), LK-18 (12 căn) và LK-19 (41 căn), với quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 7.028,1 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 21.084 m².

- Sản phẩm của dự án:

+ Đất nhà thấp tầng: Cơ cấu sản phẩm của dự án bao gồm 290 lô đất ở liền kề, với tổng diện tích 28.145,4m², trong đó:

++ Đất ở liền kề có xây thô: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 69 căn nhà ở liền kề tại các phân lô có ký hiệu LK-09 (8 căn), LK-10 (8 căn), LK-18 (12 căn) và LK-19 (41 căn), với quy mô chiều cao 03 tầng, diện tích xây dựng 7.028,1 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 21.084 m².

++ Đất ở liền kề không xây thô: 221 lô đất ở tại các lô đất LK-09 (từ lô số 9 đến lô số 16), LK-10 (từ lô số 9 đến lô số 20), LK-12, LK-13, LK-14, LK-18 (từ lô số 01 đến lô số 17), LK-19 (từ lô số 01 đến lô số 58), với tổng diện tích 21.117,3 m².

- Quản lý hạ tầng đô thị trong phạm vi dự án: Sau khi dự án hoàn thành, Chủ dự án có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng trong phạm vi 8,43 ha dự án cho nhà nước quản lý.

- Quy mô dân số: Khoảng 1.120 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe, trạm xử lý nước thải,....

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên” có diện tích thu hồi khoảng 84.300 m², trong đó diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 84.300 m².

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu số 1 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 84.300 m², trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 69.556,4 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng 84.300 m² đất, trong đó đất trồng lúa 69.556,4 m², đất giao thông 3.031 m², đất thủy lợi 1.976,8 m², đất trồng cây lâu năm 1.391 m², đất bằng trồng cây khác 8.344,8 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, nạo vét hữu cơ, phá dỡ công trình hiện trạng.

- Hoạt động trong quá trình san lấp mặt bằng, thi công xây dựng:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động động đào đắp, san nền; từ quá trình đào móng thi công các công trình; từ quá trình vận chuyển, tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình cấp phối đá dăm; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất san nền, chất thải; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, sơn.

+ Khí thải từ hoạt động tưới nhựa thấm bảm và rải bê tông nhựa nóng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải thi công và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; đất bóc bề mặt; đất đào đắp, san nền; thi công các hạng mục công trình; từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng;

+ Chất thải xây dựng; chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Khí thải:

+ Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu của các hộ sinh sống trong dự án.

+ Mùi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải.

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án; từ trường học, công trình công cộng tại dự án.

+ Nước thải sinh hoạt tiếp nhận từ 02 dự án theo quy hoạch, gồm: dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (sau đây gọi tắt là dự án khu số 2) và dự án Khu số 3 thuộc Khu đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (sau đây gọi tắt là dự án khu số 3).

- Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, mái nhà, đường giao thông của dự án và nước mưa chảy tràn tiếp nhận của dự án khu số 2 và dự án khu số 3.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống trong khu vực dự án, từ trường học.

+ Chất thải rắn từ các công trình công cộng.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung, từ bể tự hoại của các hộ dân, trường học và công trình công cộng.

+ Từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, pin,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2 m³/ngày đêm trong giai đoạn san lấp mặt bằng và 4 m³/ngày đêm trong giai đoạn xây dựng cơ bản, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 5,3 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng...vào nguồn tiếp nhận, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; phá dỡ công trình hiện trạng; đào đắp, san nền; từ quá trình đào móng thi công các công trình; từ quá trình vận chuyển, tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình cấp phối đá dăm; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất san nền, chất thải; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, sơn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn, VOC, hơi dung môi.

+ Khí thải từ hoạt động tưới nhựa thấm bảm và trải bê tông nhựa nóng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ độc hại,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 10 kg/ngày trong giai đoạn san lấp mặt bằng và 20 kg/ngày trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 6,9 tấn, với thành phần chủ yếu là gốc, rễ cây thân gỗ, cỏ, cây bụi,...

- Đất đào đắp san gạt mặt bằng và đào móng thi công các hạng mục công trình phát sinh khoảng 37.005 m³. Đất bóc nạo vét hữu cơ bề mặt phát sinh khoảng 13.911 m³.

- Chất thải từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (phá dỡ đường bê tông, nhà tạm, di dời mộ hiện trạng) phát sinh khoảng 670,5 tấn.

- Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng (như: vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng, gỗ vụn, gạch đá, xi măng thải...) khoảng 0,07 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng (như: giẻ lau dính dầu mỡ; bóng đèn huỳnh quang hỏng, vỏ can đựng dầu diesel bỏ...) khoảng 152 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, xây dựng; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến giao thông khu vực; đến việc tưới tiêu, nguy cơ ngập úng cục bộ; tác động tới cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng; tác động đến kinh tế xã hội.

- Tác động do sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công dự án; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố an toàn thực phẩm; sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh; sự cố do thiên tai: áp thấp nhiệt đới, lốc sét, lũ lụt,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống, từ trường học và công trình công cộng tại dự án phát sinh khoảng 272,3 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt tiếp nhận từ 02 dự án liền kề theo quy hoạch, với tổng lượng khoảng 871,47 m³/ngày đêm, gồm:

++ Nước thải sinh hoạt tiếp nhận từ dự án khu số 2 khoảng 731,78 m³/ngày đêm.

++ Nước thải sinh hoạt tiếp nhận từ dự án khu số 3 khoảng 139,69 m³/ngày đêm.

Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Dầu mỡ động thực vật,...

+ Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, mái nhà, đường giao thông của dự án; nước mưa chảy tràn tiếp nhận từ dự án khu số 2 và dự án khu số 3 kéo theo bụi bẩn từ mái nhà, sân bãi, chất bẩn xuống hệ thống thoát nước.

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu của các hộ sinh sống trong dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ, chủ yếu là khí gas, CFC.

+ Mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải, từ trạm xử lý nước thải tập trung, với thông số đặc trưng là H₂S, Mercaptane, CO₂, CH₄...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống trong khu vực dự án, trường học, công trình công cộng phát sinh khoảng 1.457 kg/ngày. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 140,3 kg/ngày. Bùn thải từ bể tự hoại của các hộ dân, trường học và công trình công cộng tại dự án phát sinh khoảng 86 m³/năm.

- Chất thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật làm phát sinh vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, bê tông hỏng, ... Khối lượng phát sinh không xác định, phụ thuộc vào từng đợt duy tu.

+ Các dự án nhà ở gia đình, trường học được triển khai sau khi dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật sẽ phát sinh chất thải rắn xây dựng từ quá trình xây dựng như vỏ xi măng, bìa carton, gạch vỡ, bê tông rơi vãi, sắt thép...

+ Lượng bùn phát sinh trong quá trình nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 16 m³/năm (tiến hành nạo vét 06 tháng/lần).

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư (như: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, pin,...) phát sinh khoảng 3.132 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông.

- Tiếng ồn từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố bão lũ, ngập úng; sự cố tai nạn giao thông; sự cố trạm xử lý nước thải; sự cố trạm biến áp; sự cố công trình; sự cố chất thải.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại vị trí thích hợp trong công trường, nhà vệ sinh di động được thiết kế 03 ngăn với bể chứa chất thải dung tích 7-10m³ để lưu chứa chất thải.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/tháng hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải thi công: Bố trí hố lắng và thùng chứa dung tích 1,5m³ - 3m³ phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Thi công các mương, cống thoát nước theo đúng thiết kế kỹ thuật của dự án trước hoặc sau mùa mưa. Thiết kế các hố lắng (1m³-1,5m³) để tránh ùn tắc đất đá trên tuyến thoát nước. Các tuyến thoát nước mưa này được thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ (02 lần/tuần); đảm bảo bùn đất, rác thải không làm ảnh hưởng tới dòng chảy.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp mặt bằng cho dự án tại những vị trí qua khu đông dân cư, trường học. Tần suất tưới nước 04 lần/ngày, tăng lên 5-6 lần/ngày vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng nóng.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành xây tường tôn cao tối thiểu 2m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra.

- Trước khi thổi bụi để tiến hành tưới nhựa thấm bám, cần quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi, hạn chế thực hiện vào những ngày gió lớn. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi thả nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối khí thải phát sinh từ hoạt động tưới nhựa thấm bám và rải bê tông nhựa nóng:

+ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định theo quy định.

+ Quá trình thi công được tiến hành vào những ngày không mưa, điều kiện móng đường khô ráo.

+ Tránh thi công rải nhựa đường vào các giờ cao điểm nhằm giảm ảnh hưởng mùi, nhiệt đến khu vực xung quanh.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi, thảm bê tông nhựa nóng và các công nhân làm việc trong khu vực này (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ...).

- Đối với công đoạn hàn, sơn: Quá trình hàn thực hiện khoanh vùng, che chắn trong quá trình sơn nhằm giảm thiểu phát tán chất ô nhiễm ra môi trường không khí xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp trong quá trình hàn được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,... để đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe cho công nhân.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí tại khu vực thi công 02 thùng rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để công nhân thải bỏ chất thải khi phát sinh.

+ Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau; phần còn lại không tận dụng được, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định.

- Đất đào đắp san gạt mặt bằng, đất đào thi công các hạng mục công trình (khoảng 37.005 m³) được tận dụng làm vật liệu san lấp, đắp nền tại dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành trên thực địa.

- Đất bóc, nạo vét hữu cơ (khoảng 13.911 m³) được tận dụng đắp vào các khu đất trồng cây trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp tận dụng đất bóc, nạo vét hữu cơ này làm vật liệu xây dựng, làm vật liệu san lấp mặt bằng, đắp nền cho dự án hoặc các công trình, dự án khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trước khi tiến hành trên thực địa.

- Đất, cát rơi trên quãng đường vận chuyển: Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất đá rơi trên đường, lượng đất đá này được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp tại dự án.

- Chất thải từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng:

+ Đối với chất thải từ quá trình phá dỡ đường bê tông, nhà tạm, di dời mô mã (chủ yếu là vụn bê tông thải, gạch vỡ) được vận chuyển và đổ thải tại bãi thải của dự án (là khu ao hồ cụm Hạ thuộc Tổ dân phố Ngoài Hạ, thị trấn Cao Thượng do UBND thị trấn Cao Thượng quản lý).

- Đối với chất thải rắn xây dựng được phân loại và tận dụng triệt để các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng dự án, cụ thể như sau:

+ Các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... được bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các loại chất thải như đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

+ Các chất trợ, chất thải không tận dụng được, Chủ dự án bố trí xe vận chuyển và mang đi đổ thải tại bãi thải của dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 04 thùng phi có dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu giữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 4m² trong khu vực công trường (kho chứa có nền xi măng, mái lợp fibro xi măng, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất khoảng 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc, thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Không vận hành các loại máy có độ ồn cao vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân.

- Sử dụng hàng rào di động cao 3m chèn chân để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trước khi tiến hành san lấp tạo mặt bằng, Chủ dự án tiến hành công tác khảo sát, rà phá bom mìn theo quy định của nhà nước. Công tác khảo sát, rà phá bom mìn nằm trong kế hoạch giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, được thực hiện trước giai đoạn san lấp tạo mặt bằng. Công tác khảo sát và rà phá bom mìn được thực hiện bởi các đơn vị có đủ năng lực và chuyên môn được nhà nước quy định.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng đúng quy định.

- Thường xuyên nhắc nhở, giáo dục công nhân tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng các thiết bị, phương tiện đúng quy định.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Các xe tải vận chuyển thường xuyên được kiểm tra, đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,....

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý nhằm tránh các giờ cao điểm có khả năng ảnh hưởng đến giao thông chung (giờ đi làm việc, giờ tan làm, giờ đi học, tan trường...). Bố trí hợp lý thời gian, khoảng cách giữa các chuyến xe ra vào cách nhau hợp lý.

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bọt, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Thực hiện san nền theo đúng quy hoạch, đúng độ dốc, hướng dốc thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự tắc nghẽn.

- Bố trí các máy bơm dự phòng để chống ngập tạm thời trong quá trình san lấp mặt bằng trong trường hợp chưa thi công xong các tuyến cống thoát nước.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, trường học, công trình công cộng của dự án sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn bằng đường ống HDPE D300 sau nhà vào hệ thống cống ngầm HDPE D400 trên vỉa hè và kết hợp với hố ga dẫn về trạm xử lý nước thải của dự án (công suất 1.350 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, sau đó chảy ra mương thoát nước phía Tây Nam dự án (do UBND huyện Tân Yên quản lý).

- + Trạm xử lý nước thải của dự án được đặt ở khu đất kỹ thuật phía Tây dự án. Trạm xử lý có hệ thống thu gom, xử lý mùi và cách lô đất ở gần nhất của dự án là 40m đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- + Phương án đấu nối nước thải từ dự án khu số 2 và dự án khu số 3 vào dự án được thống nhất tại biên bản làm việc ngày 20/4/2023 giữa Chủ dự án với Chủ đầu tư dự án khu số 2, chủ đầu tư dự án khu số 3 và UBND huyện Tân Yên.

- Nước mưa chảy tràn:

- + Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng nước mưa với nước thải, hoạt động theo chế độ tự chảy. Nước mưa chảy tràn từ các lô đất, trên đường tại dự án được thu gom vào hệ thống cống BTCT D400 dài 528m, D600 dài 964m, D800 dài 312m, D1000 dài 742m, D1250 dài 186m, D1500 dài 235m, D2000 dài 650m, sau đó kết nối với cống thoát nước trên đường Hoàng Quốc Việt qua tuyến ga M18, M74, M87 và chảy về mương thoát nước phía Tây Nam dự án. Đơn vị được giao quản lý có trách nhiệm định kỳ 06 tháng/lần bố trí nhân công thực hiện nạo vét, kiểm tra hệ thống

công, rãnh, hố ga thu nước, tránh ứ đọng, tắc nghẽn, gây ngập úng và bốc mùi hôi thối cho khu vực.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án kết nối với dự án khu số 2 và dự án khu số 3: Theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, khu số 2 có 02 điểm chờ đầu nối vào khu số 1 (vị trí hố ga: M39, M45 theo bản vẽ thiết kế), khu số 3 có 01 điểm chờ đầu nối vào khu số 1 (vị trí hố ga: M55 theo bản vẽ thiết kế), khu số 2 sang khu số 3 (vị trí hố ga: M50 theo bản vẽ thiết kế). Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 01/6/2023 thống nhất giữa Chủ dự án với Chủ đầu tư của dự án khu số 2 và khu số 3.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống cây xanh trong khu vực dự án được quy hoạch và trồng mới theo đúng trong dự án đã được phê duyệt. Ngoài ra, dự án còn tăng cường mật độ cây xanh tại hai bên đường, vỉa hè của các tuyến đường giao thông nội bộ để đảm bảo mật độ cây xanh được nhiều hơn.

- Các tuyến đường chính, đường liên khu vực trong dự án được nhựa hóa.

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng công trình thứ cấp (như: nhà ở của các hộ dân, trường học, các công trình công cộng,...): Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm giám sát việc xây dựng các công trình, yêu cầu có biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng như: che chắn các công trình xây dựng; phun nước giảm bụi tại khu vực xây dựng, nhất là vào mùa hanh khô; xe chở nguyên vật liệu đúng tải trọng, có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển; không tập kết nguyên vật liệu tại các khu vực công cộng,...

- Tại các hộ gia đình, khí thải đun nấu phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu (gas) và mùi thức ăn được thu gom qua các chụp hút mùi, dẫn thải ra ngoài, giảm khả năng khí thải bị tồn lưu, giữ trong nhà, hạn chế nguy cơ ngộ độc khí. Khuyến khích sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như điện, năng lượng mặt trời.

- Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường, tắt khi không sử dụng để tiết kiệm năng lượng và không gây quá tải cho hệ thống cấp điện.

- Để giảm thiểu mùi hôi từ rác thải, Chủ dự án bố trí ga tập kết rác thải nền xi măng, có tường vây bao quanh. Rác thải tại ga rác được vận chuyển đi xử lý hàng ngày, không để tình trạng ứ đọng.

- Để giảm thiểu mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải, Chủ dự án thực hiện đầu tư hệ thống thu gom, xử lý mùi bằng than hoạt tính.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2. 1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với rác thải sinh hoạt: đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm đặt các thùng rác đôi (màu cam - màu xanh) dung tích từ 150 lít/thùng - 300 lít/thùng

có nắp đậy, bố trí trên các trục đường phố hoặc nơi công cộng trên vỉa hè, cách nhau khoảng 50 m để người dân thuận tiện bỏ rác và phân loại rác thải ngay tại nguồn, vào giờ quy định được tổ vệ sinh môi trường sẽ vận chuyển ra khu tập kết rác thải của dự án diện tích 150 m² để lưu giữ tạm thời. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất thu gom 01 lần/ngày). Khu tập kết rác thải thiết kế nền xi măng, có tường vây bao quanh, xung quanh có dải cây xanh, cách 20 m so với các công trình lân cận, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD.

+ Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình, trường học, các công trình công cộng tại dự án: Được các hộ gia đình, trường học, đơn vị được giao quản lý dự án thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom và vận chuyển đi xử lý định kỳ (**tần suất 01 năm/lần**).

+ Đối với bùn cặn từ trạm xử lý nước thải: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm thuê đơn vị hút cặn, thu gom và xử lý định kỳ (**tần suất 06 tháng/lần**).

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp; từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

+ Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các công trình thứ cấp. Trong quá trình xây dựng, yêu cầu người dân và đơn vị xây dựng thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định, không đổ bừa bãi chất thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

+ Các loại chất thải rắn phát sinh (như: bùn đất, cây xanh, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá,...) từ quá trình phá dỡ, sửa chữa công trình, do đơn vị được bàn giao quản lý dự án thuê các đơn vị có đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định (định kỳ 06 tháng/lần đối với bùn nạo vét; cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá vỡ phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng hạ tầng: vận chuyển khi phát sinh).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình, trường học: Các hộ gia đình, đơn vị trường học có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại từ các công trình xã hội: Đơn vị trực tiếp quản lý có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đơn vị được giao quản lý vận hành dự án có trách nhiệm thu gom, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình,...theo quy định (**tần suất 01 năm/lần**).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Khu khuôn viên cây xanh trong khu vực dự án được bố trí phù hợp, xen kẽ giữa các khu nhà. Tại vỉa hè đường phố còn bố trí các hố trồng cây xanh để tạo bóng mát và cảnh quan cho dự án.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý, giữ gìn an ninh trật tự tại khu vực dự án.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà.

- Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ. Bố trí các họng cứu hỏa, cấp nước trong trường hợp xảy ra cháy nổ.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão. Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và cống theo áp lực nước.

- Lắp đặt các hệ thống song chắn rác tại các vị trí thu nước mưa khu vực đường giao thông, khuôn viên cây xanh.

- Khi trạm biến thế xảy ra sự cố sẽ rất nguy hiểm làm ảnh hưởng trực tiếp đến người vận hành và những người dân xung quanh. Do đó cần có các phương pháp phòng ngừa như sau: Khu vực đặt trạm biến áp phải có hàng rào bảo vệ; đặt biển cảnh báo nguy hiểm không cho người dân và động vật đến gần; vị trí đặt trạm biến áp phải đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường; bảo hành, bảo trì hệ thống trạm biến áp định kỳ theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Định kỳ bảo dưỡng các bể, thiết bị xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế để nhanh chóng khắc phục; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, bụi toàn phần, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

5.1.2. Chất thải rắn

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.2. Giai đoạn hoạt động (thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dự án)

5.2.1. Nước thải sinh hoạt:

5.2.1.1. Quan trắc định kỳ

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅; tổng chất rắn lơ lửng; tổng chất rắn hòa tan; H₂S; amoni; nitrat; dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat; tổng Coliforms.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2.1.2. Giám sát tự động, liên tục đối với nước thải

- Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc online.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, COD.

- Tần suất giám sát: Liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Thời điểm hoàn thành lắp đặt và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên Môi trường: Tháng 5/2024.

5.2.2. Chất thải rắn:

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động dự án đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường và theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Có trách nhiệm xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục và hoàn thành thủ tục cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm cho các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi bàn giao cho đơn vị được giao quản lý.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (như: bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 502/TTr-TNMT ngày 11/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.